|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LÂM ĐỒNG**  Số: /KH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Lâm Đồng, ngày tháng 4 năm 2025* |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số** **91-KL/TW** **ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số** **29-NQ/TW** **ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế” trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/112013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế” (sau đây gọi là Nghị quyết số 51/NQ-CP), Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 51/NQ-CP trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng với các nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

a) Tuyên truyền, quán triệt, triển khai thục hiện chủ trương, yêu cầu của Bộ Chính trị tại Kết luận số 91-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (sau đây gọi là Nghị quyết số 29-NQ/TW); nâng cao nhận thức, trách nhiệm, quyết tâm của các cơ quan, đơn vị, nhất là người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện Kết luận số 91-KL/TW[[1]](#footnote-1), quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

b) Xác định, cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để các cơ quan, đơn vị tập trung chỉ đạo nhằm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã đề ra tại Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW, Kế hoạch số 5498/KH-UBND[[2]](#footnote-2), Nghị quyết số 13-NQ/TU[[3]](#footnote-3) và Kế hoạch số 1486/KH-UBND[[4]](#footnote-4).

c) Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo; tiếp tục hoàn thiện các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo chủ trương của Đảng.

**2. Yêu cầu**

a) Phân công thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để các cơ quan, đơn vị tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW và Kết luận số 91-KL/TW.

b) Quá trình thực hiện phải tạo được sự đồng bộ, liên thông, gắn với việc thực hiện các Nghị quyết của Đảng liên quan tới phát triển giáo dục, đào tạo.

c) Có lộ trình cụ thể đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện gắn với đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị hàng năm.

**II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong tổ chức triển khai thực hiện chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo**

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; phát huy vai trò của người đứng đầu các cấp ủy, đảng, chính quyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận, quyết tâm cao trong tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW và các chủ trương, định hướng của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy

- Tăng cường công tác truyền thông chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo để nâng cao nhận thức của toàn xã hội, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, công chức, viên chức, người lao động ngành Giáo dục trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới giáo dục và đào tạo.

**2. Tập trung thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các chính sách, pháp luật về giáo dục và đào tạo theo hướng khoa học, hiện đại, đồng bộ, liên thông, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội địa phương, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; bảo đảm sự đồng bộ, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo.**

- Nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; chỉ đạo hoạt động thanh tra, kiểm tra về giáo dục theo thẩm quyền bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về giáo dục.

- Triển khai thực hiện kịp thời các Luật Nhà giáo; xây dựng Luật Học tập suốt đời (khi được ban hành); rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, văn bản chỉ đạo về đổi mới công tác quản lý giáo dục và đào tạo; sửa đổi, bổ sung các quy định để tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trong việc quyết định biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành Giáo dục.

- Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả, giảm đầu mối và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; bảo đảm đồng bộ, liên thông từ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp đến giáo dục đại học; tăng quyền tự chủ, nâng cao trách nhiệm giải trình, phát huy dân chủ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo; tạo điều kiện tự chủ đối với các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học, giáo dục nghề nghiệp bảo đảm phù hợp với xu thế chung của thế giới và điều kiện thực tiễn trong nước.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện quy định bí thư cấp ủy kiêm chủ tịch Hội đồng trường.

- Tăng cường năng lực đội ngũ thanh tra giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng công tác thanh tra; đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động kiểm tra, giám sát đối với tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm tăng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng tài chính trong các cơ sở giáo dục.

**3. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học cho học sinh, sinh viên, học viên**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non mới với nội dung và phương pháp chăm sóc, giáo dục tiên tiến, hiện đại. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới bảo đảm chất lượng, công bằng và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông; đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phẩm chất và năng lực của người học. Tiếp tục thực hiện một chương trình giáo dục phổ thông thống nhất.

- Triển khai các hoạt động bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số, đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho giáo viên các vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số để nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Triển khai có hiệu quả việc dạy học tiếng dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên.

- Phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân; tăng cường công tác xóa mù chữ, giảm tỷ lệ mù chữ ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh các hoạt động xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời; tích cực triển khai các giải pháp xóa mù chữ tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc.

- Tiếp tục bảo đảm quyền học tập và học tập có chất lượng đối với học sinh khuyết tật; triển khai thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên, học viên gắn với xây dựng, phát huy hệ giá trị văn hóa, con người Việt Nam. Đẩy mạnh triển khai xây dựng văn hóa học đường, giáo dục cho học sinh, sinh viên, học viên lòng yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, khơi dậy khát vọng cống hiến phát triển đất nước. Tăng cường công tác tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp, giáo dục thể chất, hoạt động thể thao cho học sinh, sinh viên, học viên; xây dựng trường học an toàn, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh toàn diện cả về thể chất và tinh thần; tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, học viên.

- Tăng cường quản lý chặt chẽ các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên, nhất là các nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập, tư thục, các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài và các trung tâm ngoại ngữ, tin học,... trên địa bàn.

**4. Tập trung đầu tư hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp và nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục, đào tạo**

- Tiếp tục phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập quốc tế, gắn với thị trường lao động, chú trọng cả số lượng, cơ cấu, chất lượng đào tạo, quan tâm công tác đào tạo, đào tạo lại cho người lao động để thích ứng với sự thay đổi của nhu cầu thị trường và công nghệ sản xuất. Có giải pháp nâng cao chất lượng công tác phân luồng; định hướng nghề nghiệp cho học sinh ngay từ trung học cơ sở để tăng số lượng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; rà soát, tổng kết đánh giá việc triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ/TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hóa, hình thành năng lực nghề nghiệp, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai các giải pháp tăng cường nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở một số ngành, nghề, lĩnh vực nhằm tạo đột phá, chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực gắn với nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế; chú trọng các ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ, chip bán dẫn và các ngành phục vụ phát triển các công nghệ chiến lược, then chốt.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục và giáo dục giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ với sự tham gia của người học, nhà giáo, chuyên gia, nghệ nhân, người sử dụng lao động. Gắn hoạt động đào tạo với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học giáo dục, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên, học viên.

- Tổ chức rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường cao đẳng thuộc phạm vi quản lý; ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trường cao đẳng theo quy định.

**5. Tiếp tục thực hiện giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, thúc đẩy xã hội học tập và học tập suốt đời; đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

- Rà soát, sắp xếp, phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông báo đảm đủ trường, lớp học, nhất là ở các thành phố lớn, khu công nghiệp, khu vực đông dân cư, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục; thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với mục tiêu phát triển của các vùng kinh tế - xã hội. Rà soát, ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn.

- Củng cố, phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú nhằm duy trì kết quả phổ cập giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội.

- Triển khai có hiệu quả quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để bảo đảm quyền được học tập và học tập có chất lượng của học sinh khuyết tật.

- Phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập ở những nơi có điều kiện, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế; quan tâm đầu tư cho giáo dục chất lượng cao đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

- Cụ thể hóa nội dung để triển khai chuyển đổi số ngành Giáo dục trong các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển chính quyền điện tử, chuyển đổi số; có các giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn.

- Đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phát triển giáo dục số, giáo dục thông minh, trang bị cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên, học viên các kiến thức, kỹ năng thiết yếu để thích ứng học tập, làm việc hiệu quả, an toàn trong không gian số; nghiên cứu, phát triển, sử dụng các hệ thống, ứng dụng trí tuệ nhân tạo bảo đảm hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực cho con người và cộng đồng; góp phần xây dựng thế hệ công dân số Việt Nam an toàn, văn minh, lành mạnh trên không gian mạng. Phát triển các phương thức đào tạo, các nền tảng dạy và học trực tuyến mở; đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành ảo.

- Nghiên cứu, thí điểm và triển khai thực hiện các mô hình trường học mới như trường học số, trường học thông minh, trường học hạnh phúc.

**6. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; thu hút, trọng dụng nhân tài làm việc trong ngành Giáo dục**

- Tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng và chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp, chú trọng năng lực quản lý, quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, các kỹ năng mềm, kỹ năng số; phát triển đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các trình độ của giáo dục nghề nghiệp.

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế; rà soát, triển khai thực hiện công tác điều động, luân chuyển số giáo viên hiện có nhằm giải quyết triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; tuyển dụng đúng, đủ số chỉ tiêu biên chế giáo viên được giao, có giải pháp đối với những nơi còn thiếu giáo viên, bảo đảm nguyên tắc “có học sinh phải có giáo viên đứng lớp”.

- Triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi, thu hút giáo viên công tác và gắn bó lâu dài tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; các chính sách trọng dụng nhân tài làm việc trong ngành Giáo dục.

**7. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo**

- Tiếp tục bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục và đào tạo; ưu tiên đầu tư cho giáo dục, đào tạo vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Bố trí nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục, đào tạo và ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 29-NQ/TW đã đề ra; điều chỉnh tăng mức chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tăng trưởng của nền kinh tế.

- Bố trí nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi và thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm trong lĩnh vực giáo dục.

- Tiếp tục rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới trường lớp, bố trí quỹ đất dành cho giáo dục; có chính sách ưu đãi về đất đai nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo.

- Khuyến khích, thu hút, huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công tư, đầu tư nước ngoài cho phát triển giáo dục và đào tạo.

- Khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập, nhất là các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập.

**8. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo; tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, học viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài**

- Đẩy mạnh việc ký kết và triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác với các tở chức nước ngoài trong lĩnh vưc giáo dục và đào tạo đang được phép hoạt động tại Việt Nam; tăng cường trao đổi giao lưu, học hỏi kinh nghiệm giữa học sinh, giáo viên với các học sinh, giáo viên nước ngoài.

- Tiếp tục cử giáo viên tham gia đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh hợp tác và đầu tư với nước ngoài, phát triển các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông chất lượng cao, đào tạo theo chương trình song ngữ. Tăng cường đưa tiếng Việt và văn hóa Việt Nam ra nước ngoài; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt cho người nước ngoài ở Việt Nam.

- Tiếp tục thực hiện chương trình hợp tác quốc tế giữa tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Champasak và tỉnh Bolykhamxay nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

**III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Kinh phí**

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hằng năm cho các đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và nguồn vốn lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.

- Nguồn thu học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

- Nguồn huy động tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**2. Căn cứ nhiệm vụ tại Kế hoạch này:** các đơn vị xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của đơn vị trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1. **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Là cơ quan chủ trì giúp UBND tỉnh chỉ đạo thống nhất việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với các sở, ngành, cơ quan có liên quan, các huyện, thành phố và cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp hằng năm phù hợp để triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì tham mưu thực hiện các cơ chế, chính sách đối với học sinh, giáo viên; các chương trình, đề án, dự án về phát triển giáo dục theo phân cấp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát, đánh giá việc triển khai Kế hoạch, báo cáo Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

**2. Sở Nội vụ**

- Tham mưu rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý biên chế viên chức ngành Giáo dục bảo đảm đồng bộ với các quy định về quản lý đội ngũ nhà giáo theo hướng phân cấp mạnh mẽ cho ngành Giáo dục và các cơ sở giáo dục, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện giải quyết các chế độ chính sách cho giáo viên trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn triển khai thực hiện công tác điều động, luân chuyển số giáo viên hiện có nhằm giải quyết triệt để tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ; tuyển dụng đúng, đủ số chỉ tiêu biên chế giáo viên được giao, có giải pháp đối với những nơi còn thiếu giáo viên, bảo đảm nguyên tắc “có học sinh phải có giáo viên đứng lớp”.

**3. Sở Tài chính**

- Tham mưu rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng tài chính trong các cơ sở giáo dục, bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với chủ trương đẩy mạnh tự chủ; các quy định về đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo,

- Tham mưu xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính, bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính cho phát triển giáo dục, đào tạo và ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 29-NQ/TW đã đề ra; điều chỉnh tăng mức chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tăng trưởng của nền kinh tế.

- Tham mưu bố trí nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí cho giáo dục bắt buộc, giáo dục phổ cập, miễn học phí cho trẻ em mẫu giáo 5 tuổi và thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; ưu tiên đầu tư cho giáo dục và đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Phối hợp Ngân hàng Chính sách xã hội mở rộng đối tượng và nâng mức ưu đãi cho vay tín dụng, bổ sung chính sách vay vốn tín dụng phù hợp đối với người học.

- Tham mưu rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thúc đẩy, khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập, nhất là các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập.

**4. Sở Khoa học và Công nghệ**

Triển khai có hiệu quả Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về giáo dục trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến khuyến khích thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học, thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp và hợp tác nghiên cứu. Tham mưu phân bổ ngân sách chi sự nghiệp khoa học công nghệ tương xứng với năng lực và kết quả hoạt động khoa học công nghệ của các cơ sở giáo dục.

**5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**

Tham mưu nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng thuộc các cơ sở giáo dục. Tiếp tục hỗ trợ biệt phái sĩ quan quân đội cho ngành Giáo dục nhằm nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, an ninh cho học sinh, học viên và sinh viên các cơ sở giáo dục; quan tâm bố trí công tác phù hợp, cao hơn cho các sĩ quan quân đội sau khi hết thời hạn biệt phái. Tham mưu công tác tuyển sinh các ngành khối Quân đội cho học sinh trên địa bàn tỉnh.

**6. Công an tỉnh**

Tham mưu công tác tuyển sinh đào tạo hệ dân sự đối với các ngành lưỡng dụng trong các cơ sở giáo dục thuộc khối Công an phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phối hợp với ngành Giáo dục đảm bảo an ninh, an toàn trường học, trật tự giao thông cho học sinh, học viên, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

**7. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**

Phối hợp với ngành Giáo dục thực hiện tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 51/NQ-CP và nội dung Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Tăng cường thời lượng, chất lượng tin bài tuyên truyền về giáo dục đào tạo địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

**8. Sở Y tế**

Chỉ đạo hệ thống y tế cơ sở phối hợp với các cơ sở giáo dục triển khai công tác y tế trường học; bảm bảo an toàn thực phẩm; phòng chống các loại dịch bệnh; giáo dục giới tính cho học sinh, học viên, sinh viên; hướng dẫn chuyên môn về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và học sinh khuyết tật, trẻ em cơ nhỡ,… trên địa bàn tỉnh.

**9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Phối hợp với ngành Giáo dục, tổ chức Đoàn triển khai các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, giáo dục giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong trường học, tạo sân chơi lành mạnh, thành lập các câu lạc bộ thu hút học sinh, học viên, sinh viên nhằm tránh xa các tệ nạn xã hội.

**10. Các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ hằng năm và giai đoạn để triển khai nhiệm vụ phát triển giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh.

- Đánh giá hằng năm, sơ kết 05 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**11. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

- Xây dựng các chương trình, nhiệm vụ hằng năm và giai đoạn để phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn quản lý.

- Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chương trình, dự án trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn quản lý.

- Đánh giá hằng năm, sơ kết 05 năm về tình hình thực hiện Kế hoạch gửi Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ GDĐT;  - TTTU, TT HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Như mục IV;  - Lưu: VT, VX1. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH** |

**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**NGHỊ QUYẾT 51/NQ-CP NGÀY 18/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ***(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Lâm Đồng)*

| **STT** | **Nội dung công việc** | **Cơ quan chủ trì** | **Cơ quan phối hợp** | **Cấp trình phê duyệt** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG** | | | | |
| 1 | Triển khai thi hành Luật Nhà giáo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 2 | Triển khai thi hành Luật viên chức sửa đổi, bổ sung | Bộ Nội vụ | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 3 | Triển khai thi hành Luật Giáo dục đại học thay thế Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 | Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường đại học, cao đảng trên địa bàn tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 4 | Triển khai thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp thay thế Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 5 | Triển khai thi hành Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 6 | Triển khai thi hành Luật Học tập suốt đời | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 7 | Triển khai thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh sửa đổi, bổ sung | Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| **II** | **TRIỂN KHAI THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG** | | | | |
| 1 | Triển khai thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 2 | Triển khai thi hành Nghị định quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 3 | Triển khai thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập | Sở Tài chính | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 4 | Triển khai thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập | Sở Nội vụ | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 5 | Triển khai thi hành Chương trình tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non và phổ thông giai đoạn 2026 - 2035 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 6 | Triển khai thi hành Chương trình đầu tư công hiện đại hoá giáo dục đại học | Các trường đại học, cao đảng trên địa bàn tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 7 | Triển khai thi hành Chương trình đầu tư công hiện đại hoá giáo dục nghề nghiệp | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 8 | Triển khai thi hành Nghị định quy định chi tiết về liên thông giữa các trình độ trong hệ thống giáo dục quốc dân | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 9 | Triển khai thi hành Nghị định quy định về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (thay thế Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2024 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ) | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 10 | Triển khai thi hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ ban hành quy định về chính sách phát triển giáo dục mầm non | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 11 | Triển khai thi hành Nghị định quy định chính sách trợ cấp xã hội cho người học thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thuộc các vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 12 | Triển khai thi hành Nghị định quy định hỗ trợ người học đối với các ngành, nghề Nhà nước cần ưu tiên phát triển ở các trình độ đào tạo | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 13 | Triển khai thi hành Nghị định quy định chính sách bảo tồn, phát triển tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| **III** | **TRIỂN KHAI THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG** | | | | |
| 1 | Triển khai thi hành Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ các ngành công nghệ cao giai đoạn 2025 - 2035, định hướng đến năm 2045 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 2 | Triển khai thi hành Đề án đổi mới chương trình giáo dục mầm non | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 3 | Triển khai thi hành Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 4 | Triển khai thi hành Khung Chiến lược giáo dục đại học | Các trường đại học, cao đảng trên địa bàn tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 5 | Triển khai thi hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh giai đoạn 2026 - 2035 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 6 | Triển khai thi hành Đề án quốc gia từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 7 | Triển khai thi hành Đề án phát triển y tế học đường | Sở Y tế | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 8 | Triển khai thi hành Đề án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của Việt Nam để gia nhập các hệ thống trích dẫn có uy tín của khu vực và thế giới | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 9 | Triển khai thi hành Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 10 | Triển khai thi hành Đề án phát triển Chương trình giáo dục phổ thông đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 11 | Triển khai thi hành Đề án phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 12 | Triển khai thi hành Đề án xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về giảng dạy, nghiên cứu và làm việc ở các cơ sở giáo dục Việt Nam | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 13 | Triển khai thi hành Đề án phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2035 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 14 | Triển khai thi hành Đề án xây dựng văn hóa học đường giai đoạn 2026 - 2035 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 15 | Triển khai thi hành Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026 - 2030 | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 16 | Triển khai thi hành Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg và Quyết định 05/2022/QĐ-TTg nâng mức ưu đãi cho vay tín dụng, bổ sung chính sách vay vốn tín dụng phù hợp đối với các ngành, nghề Nhà nước cần ưu tiên phát triển ở các trình độ đào tạo | Sở Tài chính | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 17 | Triển khai thi hành Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo cho đồng bào Tây Nguyên | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |
| 18 | Triển khai thi hành Đề án tăng cường hoạt động nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với hoạt động đào tạo trong cơ sở giáo dục đại học | Các trường đại học, cao đảng trên địa bàn tỉnh | Các sở, ngành, địa phương | UBND tỉnh | Ngay sau khi luật được ban hành |

1. Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. [↑](#footnote-ref-1)
2. Kế hoạch số 5498/KH-UBND ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 97-KH/TU ngày 15/8/2019 của Tỉnh uỷ Lâm Đồng về việc thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư; Chương trình hành động số 74-CTr/TU ngày 11/02/2014 của Tỉnh ủy. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 18/5/2018 của Tỉnh ủy Lâm Đồng về phát triển, nâng cao chất lượng GDĐT tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo. [↑](#footnote-ref-3)
4. Kế hoạch số 1486/KH-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. [↑](#footnote-ref-4)